



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

TELEPHONE:

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: _____ Y _____ NO _____

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN WINH TRI
Last Middle First

Current Address: 105 B Ấp Phú Hưng Xã An Sơn, Thuận An, Sông Bé

Date of Birth: 1946 Place of Birth: Thủ Đức Một

Previous Occupation (before 1975) IS Lt
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 07/04/75 To 01/20/81
Years: 6 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6.. ADDITIONAL INFORMATION :

An-Sơn, ngày 03 tháng 03 năm 1989

Lính thừa ba,

Tôi tên: NGUYỄN-MINH-TRÍ, Sinh năm 1946.
Hiện cư trú tại 105B, ấp Phú-hưng, xã An-Sơn,
Huyện Thuận-An, tỉnh Sông-Bé

Xin trình bày sự việc như sau:

- Nguyên tôi là Cựu tù binh cải tạo, đang
gặp rất nhiều khó khăn về cuộc sống mong
được sang định cư ở nước ngoài theo chương-
trình ODP.

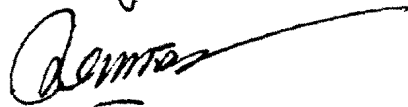
- Vào ngày 26-09-1984 tôi có làm đơn gửi
Sang Bangkok Thailand theo chương trình ODP
định xem hồ sơ đây đủ. Nhưng mãi đến nay tôi
không nhận được kết quả gì cả. Tôi rất buồn.
Kính: Không biết hồ sơ của mình có đến nơi
không? Có được chấp thuận không?

- Vào ngày 03-08-1988 tôi có đến ty Công-An
Sông-Bé làm hồ sơ xin xuất cảnh sang nước
ngoài theo diện "Những người được tha tù hai
Cải tạo" Nhưng vẫn không có tin tức gì đang
đưa cả.

Hiện nay tôi đã qua định chế còn hy vọng
nào sự bảo lãnh của quý hội và sự tận
tình giúp đỡ của bà, để sớm được Chính phủ
Hoa-kỳ cấp "LOI" hầu tôi có đủ điều kiện
làm hồ sơ xin xuất cảnh sang nước ngoài càng
sớm càng tốt.

Tôi và gia đình thành thật biết ơn quý hội
và bà.

Trân trọng thỉnh chào bà



Hồ sơ định kèm:

NGUYỄN - MINH - TRÍ

- 07 - Bản sao khai danh
- 01 - Chứng thư hôn thú
- 03 - Căn cước
- 01 - Hộ khẩu
- 01 - Giấy ra hải
- 01 - Bảng Bộ Binh Thư - Dặc
- 01 - Bảng Cơ quan phát triển Cộng - đồng C.D.I
- 01 - Giấy phục hồi quyền Công - dân
- 01 - Thẻ nhân viên
- 07 - Ảnh 4x6
- 02 - Ảnh tài liệu

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH Làng Phú-Cường

(Extrait du registre des actes de naissance)

tỉnh Thừa-Huân.

(NAM-PHÂN)

(Sud-Vietnam)

NĂM 1946

(Année)

SỐ HIỆU 143

(Acte N°)



Tên, họ dựa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Toà <u>Sở-Thăm Biện-Hoa</u> , xử về việc nộ trong phiên nhóm công khai ngày 16 tháng 5 năm 1968, có tên an số 61., mã chủ văn như sau :
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	BỒI CÁC LỄ ÁY
Sanh ngày nào (Date de naissance)	
Sanh tại chỗ nào. (Lieu de naissance)	Thân phận đơn của <u>Nguyễn-thị-Kia</u> xin an theo-vì khai sanh cho con y thị.
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Phan rằng : <u>Nguyễn-minh-Trí</u>
Cha làm nghề gì. (Sa profession)	sanh ngày 3-3-1946, tại xã <u>Phú-Cường</u> (<u>Thừa-Huân</u>) là con của <u>Võ danh và</u> <u>Nguyễn-thị-Kia</u> .
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	
Tên, họ mẹ. (Nom et prénom de la mère)	Phan rằng an bày theo-vì khai sanh cho <u>Nguyễn-minh-Trí</u>
Mẹ làm nghề gì. (Sa profession)	CÔNG Y THẢO AN
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	<u>Bình-Dương</u> , ngày 6 tháng 1 năm 1968 <u>chánh-Lục-Sự</u>
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	(Ký tên và ấn dấu : <u>gỗ-thê-Chí</u>)

Chúng tôi, Ty-An-dại-Khân
(Nous, Ty-An-dại-Khân)

Chánh-tòa HÒA BÌNH-DƯƠNG
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông gỗ-thê-Chí
(M. gỗ-thê-Chí)

Chánh-Lục-sự Toà-án sở tại.
(Greffier-en-Chef du dit Tribunal).

Trích y bản chánh.
(Four extrait conforme).

BÌNH-DƯƠNG ngày 6/1 năm 8
CHÁNH LỤC-SỰ
(CHIEF GREFFIER)

BÌNH-DƯƠNG

ngày 6/1 năm 8

CHÁNH-ẢN,
(LE PRÉSIDENT).

AN

Giá tiền : 500
(Cout),
Biên-lai số :
(Quittance N°)



BỘ TƯ-PHÁP

Département de la Justice

CƠ QUAN PHÁP NAM-PHÂN

Service de la Justice du Sud-Vietnam

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ HÒA BÌNH DƯƠNG

(GREFFE DU TRIBUNAL DE ...)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH Làng Phú-Hòa

(Extrait du registre des actes de naissance)

tỉnh Thủ Đức

NAM-PHÂN

(Sud-Vietnam)

NĂM 1946

(Année)

SỐ HIỆU 1

(Act N°)



Tên họ (Nom et nom de famille)	Tòa Hòa-Giải-nghĩa-Phước-Biên-Hòa, nữ
Năm sinh (Année de naissance)	được khai theo đơn xin về dân sự ngày 17 tháng 11 năm 1952, có lên an mà chu văn li như vậy :
Phụ thân (Père)	việc các ...
Mẹ thân (Mère)	Phan-ràng: Trương-thị-Thủy (phái nữ)
Sinh tại (Né(e) à)	sinh tại làng Phú-Hòa (Thủ Đức) ngày 15 tháng hai năm một ngàn chín trăm bốn mươi sáu (15-2-1946) con của Trương-kim-Danh và Đoàn-thị-Tông (chết).
Tên họ cha (Nom et nom de famille)	Ban an này sẽ thay thế tờ khai sanh cho trẻ
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Ấy. Chứng rằng Trương-kim-Danh phải nhận Trương-thị-Thủy là con tự sinh của y.
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Phan-ràng Trương-thị-Thủy là con tự sinh của Trương-kim-Danh. Tuy rằng chu văn ban an này sẽ được soạn, nộp vào bộ sanh đường-niên làng Phú-Hòa (Thủ Đức) và sẽ được cuộc văn tặt vào bộ sanh làng ấy năm 1946 tại thị xã
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	làng này và vào cho ban-tôn-trị nội-văn-kho
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	phòng lục-sự Tòa Biên-Hòa, ngoài là tờ khai sanh nào gần hơn hết ngày 5 tháng hai năm 1946.
Vợ chánh hay vợ thứ (Son rang de femme mariée)	CÁC VĂN TẬT.
	Biên-Hòa, ngày 14 tháng 2 năm 1952

Chứng từ:

Dương-hữu-Thị

(Nom)

Chánh-an Tòa HÒA BÌNH DƯƠNG

(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của

(Certificat d'authenticité de la signature)

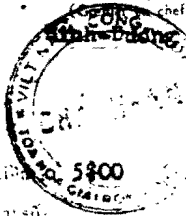
Ông

Ngô-thị-Chi

(M.)

Chánh-Lục-sự Tòa-án sơ-tại

(Chef du tribunal)



ngày 8-6-1955

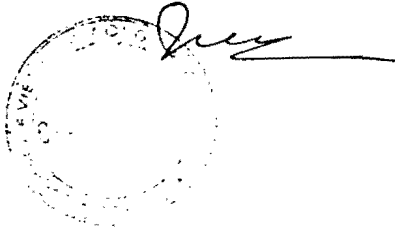
CHANH-AN.

(Signature)

Bình-Dương, ngày 8-6-1955

CHANH LỤC-SỰ.

(Le Greffier en chef.)



GIÁ HỒ SƠ 5000
(Cao)
Biên-lưu-số.
(Quittance)

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
République du Viet-Nam

TỐI-CAO PHÁP-VIÊN
COUR Suprême

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ PHỦ-SÍNH-DƯƠNG

GREFFE DU TRIBUNAL DE PHỦ-SÍNH-DƯƠNG



BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH Yá Phái-Quảng
(Extrait du registre des actes de naissance)

PHỦ-SÍNH-DƯƠNG

(NAM-PHÂN)
(Sud-Viet-Nam)

NĂM 1908
(Année)

SỐ HIỆU 221
(Affixe N°)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	<u>Nguyễn-ngọc-Thủy</u>
Nam, nữ (Sexe)	<u>Nữ</u>
Sinh ngày nào (Date de naissance)	<u>Ngày mười tháng hai, năm một ngàn chín trăm sáu mươi tám.</u>
Sinh tại ở nào (Lieu de naissance)	<u>Phủ-Quảng</u>
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	<u>Nguyễn-minh-Tri</u>
Cha làm nghề gì (Sa profession)	<u>Công chức</u>
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	<u>Phủ-Quảng</u>
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	<u>Trương-thị-Thủy</u>
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	<u>Nội trợ</u>
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	<u>Phủ-Quảng</u>
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme (surtout))	<u>Chánh thức</u>

Chúng tôi
(Nous)

Chánh-án Toà
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp pháp chữ ký tên cha
(Certifions l'authenticité de la signature du)

Ông
(M)

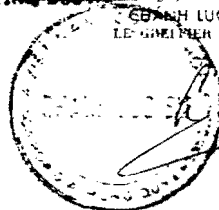
Chánh Lục-sự Toà-án sở tại.
(Greffier en Chef du Tribunal)

ngày 19
CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT),

Trích y bản chánh,
(Pour extra conforme)

BẮN ĐÚNG ngày 18/2 19 09

CHÁNH LỤC-SỰ,
LE GREFFIER EN CHEF



Giá tiền: 5400
(Coût)

Biên-lai số:
(Quittance N°)

ỦY BAN NHÂN DÂN

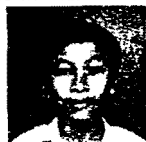
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã 872/P3

Xã, thị trấn: Ấp Bắc

Thị xã, quận: THUẬN AN

Số, tỉnh: Sông Mỹ



GIẤY KHAI SINH

Số 179
Quyển số 01

Họ và tên	<u>NGUYỄN MINH ĐỨC</u>		Nam, nữ <u>nam</u>
Sinh ngày tháng, năm	<u>ngày 20, tháng 10, năm 1946</u> <u>Ấp Bắc (19/4)</u>		
Nơi sinh	<u>Xã Phú Cường - Châu thành tỉnh Sông Mỹ.</u>		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>NGUYỄN MINH AN</u> <u>1946</u>	<u>NGUYỄN THỊ HUY</u> <u>1949</u>	
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>	
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>Làm ruộng</u>	<u>Làm ruộng</u>	
Nơi ĐKKK thường trú	<u>Ấp Phú Cường xã An Sơn</u>	<u>Ấp Phú Cường xã An Sơn</u>	
Họ, tên, tuổi nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>NGUYỄN THỊ HUY 40 PHÚ CƯỜNG XÃ AN SƠN</u> <u>NGUYỄN THUY MỸ 10 SÔNG MỸ</u>		

Đăng ký ngày 11 tháng 11 năm 1954
TM/UBND AN SƠN ký tên, đóng dấu



(Họ, tên, chức vụ)
NGUYỄN VĂN TỶ
Chủ tịch / Ủy viên

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mô số 11/73

X. Thị trấn An Sơn

Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Quận THUẬN AN
Hố. Tỉnh SÔNG BÉ

Số 11/3

Quyển số 21

GIẤY KHAI SINH

Họ và tên

NGUYỄN MINH NHẬT

Nam, nữ Nam

Sinh ngày
tháng, năm

24-03-1975 ngày hai bốn tháng ba
năm một nghìn bảy trăm

Nơi sinh

An Sơn, Thuận An Sông Bè

KHAI VỀ CHA MẸ

CHA

MẸ

Họ, tên, tuổi hoặc
ngày, tháng, năm sinh

Nguyễn Minh Bội
1946

Trương Thị Chung
1946

Dân tộc
Quốc tịch

Việt Nam

Việt Nam

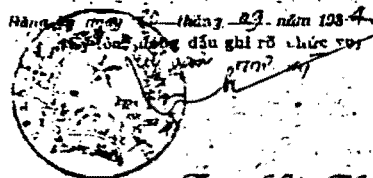
Nghề nghiệp
Nơi ĐKKK thường trú

làm ruộng
phục vụ An Sơn

làm ruộng
phục vụ An Sơn

Họ, tên tuổi nơi ĐKKK
thường trú, số giấy chứng
nhận hoặc CNCC của
người đăng khai

Trương Thị Chung (1946) SS' 105B
ấp Phú Lương, xã An Sơn
huyện Thuận An, Sông Bè



Trương Thị Chung

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu HT 3/P.3

Xã, Thị trấn an Sơn

Thị xã, Quận Sông Bé

th Sông Bé



BẢN SAO GIẤY KHAI SINH

Số 744

Quyển số 01

Họ và tên	<u>Nguyễn Minh Chí</u> Nam, số <u>12345</u>	
Sinh ngày tháng, năm	<u>05-12-1981</u> ngày rằm tháng mười hai năm một ngàn chín trăm tám mươi mốt	
Nơi sinh	<u>Bệnh viện dân lập xã phước Cường SA</u>	
Khai về cha, mẹ	CHA	ME
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Nguyễn Minh Chí</u> <u>1946</u>	<u>Chị em Thị Cường</u> <u>1946</u>
Dân tộc Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp Nơi ĐKKK thường trú	<u>Làm ruộng</u> <u>ấp phước Hưng xã an Sơn</u>	<u>Làm ruộng</u> <u>ấp phước Hưng xã an Sơn</u>
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Nguyễn Minh Chí (1946) Số 105-B</u> <u>ấp phước Hưng xã an Sơn</u> <u>Sông Bé - Sông Bé</u>	

17-483/77-4.000.000

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 24 tháng 12 năm 1981



an Sơn ký tên đóng dấu

TCB

Chị em Thị Cường

Đã ký ngày 24 tháng 12 năm 1981

(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

Sông Bé

an Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã: 073/P2



trên AN SƠN
Quận THUẬN AN
phố, Tỉnh SÔNG BÈ

GIẤY KHAI SINH

Số 12
Quyển số 01

Họ và Tên	<u>NGUYỄN NGỌC THUY</u>		Nơi sinh
Sinh ngày	<u>08-11-1984</u>		
tháng, năm	<u>Ngày tám tháng mười một, Một chín tám Bốn</u>		
Nơi sinh	<u>An Thạnh, Thuận An, Sông Bè</u>		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>NGUYỄN MINH TRÍ</u> <u>1946</u>	<u>TRƯƠNG THỊ THUY</u> <u>1946</u>	
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>	
Quốc tịch	<u>VIỆT-NAM</u>	<u>VIỆT-NAM</u>	
Nghề nghiệp	<u>Làm ruộng</u>	<u>Nội trợ</u>	
Nơi ĐKKK thường trú	<u>An Sơn, Thuận An, Sông Bè</u>		
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đăng khai	<u>NGUYỄN MINH TRÍ sinh năm 1946 cư trú tại 105B ấp Phú Hưng xã An Sơn huyện Thuận An tỉnh Sông Bè</u>		



Ngày 2 tháng 12 năm 1984
ỦY BAN NHÂN DÂN, ghi rõ chức vụ
Viện trưởng (ay)
Trưởng Ủy ban

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
TỈNH BÌNH-DƯƠNG
QUẬN ~~Phước Thành~~
XÃ ~~Phước Hòa~~
Số hiệu ~~103~~

TRÍCH-LỤC CHỨNG-THƯ HÔN-THỦ

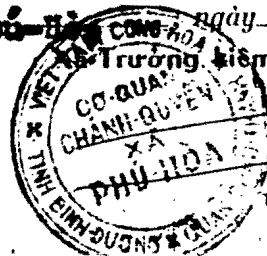
Lập ngày ~~18~~ tháng ~~10~~ năm 197~~5~~.

Tên họ chồng	NGUYỄN-MINH-TRÍ
Ngày và nơi sanh . .	Năm 1946 tại Phước-Cường (Thuận-một)
Tên họ cha chồng . .	Võ-Danh
Tên họ mẹ chồng . .	Nguyễn-Thị-Xiê (sống 55 tuổi)
Tên họ vợ	TRƯƠNG-THỊ-THUY
Ngày và nơi sanh . .	Năm 1946 tại Phước-Hòa Bình-Dương
Tên họ cha vợ	Trương-Kim-Danh (sống 49 tuổi)
Tên họ mẹ vợ	Đoàn-Thị-Tông (chết)
Ngày lập hôn-thủ . .	Ngày 18 tháng 10 năm 1965 tại Phước-Hòa
Có lập hôn khế không	////

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÁNH

MIỄN-THỊ-THUỖ
Tham chiếu thông tin số 24.885/H.73
ngày 03-08-70 của Ủy-Viên Hộ-Tịch

~~Phước-Hòa~~ ngày ~~06~~ tháng ~~01~~ năm 197~~5~~.



Trưởng-kiểm Ủy-Viên Hộ-Tịch,

~~TRƯƠNG-VĂN-THUỖ~~



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **280408259**

Họ tên **NGUYỄN MINH TRÍ**

Sinh ngày **03-03-1946**

Nguyên quán **An Thạnh**

Lái Thiêu, Bình Dương

Nơi thường trú **An Sơn**

Thị trấn An, Sông Bé

Dân tộc:

kinh

Tôn giáo:

không



NGÓN TRỎ TRÁI

— DẤU VẾT RIÊNG HOẶC BI HÌNH —

**Sẹo chằm C2 chằm dưới
sau mép phải**



NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày **18** tháng **02** năm **1984**



TRƯỞNG TY CÔNG AN

Trần Quang Minh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **290106923**

Họ tên **TRƯƠNG THỊ THỦY**



Sinh ngày **05-02-1946**

Nguyên quán **Phù Hòa,**

TX. Thủ Dầu Một, Sông Bé.

Nơi thường trú **An Sơn,**

Thuận An, Sông Bé.

Dân tộc: kinh Tôn giáo: không.

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sọc chấm C. 4 cm trên
sau mép phải.

Ngày 22 tháng 07 năm 1978

KI/GIÁM ĐỐC ĐẶC TRƯỞNG TỶ CÔNG AN
PHÒNG TRƯỞNG TỶ

[Signature]

Trần Đức Kinh

NGON TRỐ TRAI

NGON TRỐ PHẢI





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 280408159

Họ tên: NGUYỄN NGỌC THỦY

Sinh ngày: 10-02-1968

Nguyên quán: An Sơn

Lai: Thiệu Bình Dương

Nơi thường trú: An Sơn

Thuận An, Sông Bé

Dân tộc: **kinh** .. Tôn giáo: **không**

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

**Độ chàm 1,2cm trên
trước đầu may phải.**

Ngày 17 tháng 02 năm 1984



TRƯỞNG TY CÔNG AN

Kh
Quang Minh

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI

VIỆT NAM CỘNG-HÒA

QUẢN-TRUNG

Đoàn-Uy-Tx-Mạn-Cộng-Bản

THẺ NHÂN-VIÊN

Họ và tên NGUYỄN - MINH - TRÍ

Ngày, nơi sanh 1946 - Bình-Dương

Chức-vụ Cán-Bộ Cứu-Trợ Lưu-Dộng

Căn-cước số 046264 cấp tại Bình-Dương ngày 8-2-1964

Địa-chỉ 81/5A Hoa-Thành Bình-Dương



Số 222 / TNCN /

Chữ ký nhân-viên,

[Handwritten signature]

Saigon, ngày 27/7/77

Đặc ủy trưởng,



NH VĂN PHÒNG

[Handwritten signature]
TRINH VIET TAM

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

NK 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

HUYỆN THUẬN AN — TỈNH SÔNG BÈ

Số: 0320 CN

Họ và tên chủ hộ: TRƯƠNG THỊ THUẬT

Số nhà: 21B Tổ ANND: 6 Khu: B

Ấp: PHƯỚC THOẠI

Xã, phường: AN GIANG

Huyện Thuận An — Tỉnh Sông Bè.

Ngày 20 tháng 1 năm 1988

Trưởng công an Huyện Thuận An
(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



Số NK 3: 18

Nguyễn Hoàng Thành

[illegible]

BỘ NỘI VỤ
Trại Cải-Tạo Xuyên Mộc
Số: 133/ SĐT

CỘNG-HÒA XÃ-HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT-NAM
Độc-Lập Tự-Do Hạnh-Phúc

GIẤY RA TRẠI

Theo Thông tư số 966 ngày 31-5-1961 của Bộ Công an
Thi hành quyết định số 80 ngày 01-11-1979 của Bộ Nội Vụ
đây cấp giấy thả cho anh có tên sau đây:

Họ và Tên: NGUYỄN MINH TRÍ
Sinh ngày: 05-03-1946
Nơi sinh: Thủ-Đầu-Mộc

Hội ĐỒNG bào trước khi bị bắt: Sĩ Bộ Thủ-Đầu-Mộc, Ban Ban-Tuần Lữ, Sông-Bé
Cán tại: Trung-ủy Ban-Tuần Lữ Ban 3 Sư 18 Bộ-Binh
Ngày bị bắt: 01-07-1975 - tại phát BUCH
Được quyết định số 80 ngày 01-11-1979 của Bộ Nội Vụ
đây cấp giấy thả cho anh có tên sau đây: NGUYỄN MINH TRÍ

Đã hết quá trình Cải-tạo.

Quá trình Cải tạo có nhiều chuyển biến tốt, tỏ ra an tâm chịu cải tạo. Có
nhiều tiến bộ. Lao động trước vẫn còn làm với mức độ cần cù. Sau đó có
nhiều tiến bộ tập thể với năng suất đạt khá lượng khá.
Chấp hành nội quy nghiêm chỉnh, sai phạm ít. Hằng năm xếp loại Cải tạo đạt
từ Trung bình đến Khá.
Đã nhận việc phân công giao dịch tiếp.

Lưu tay ngón trái phải
của Nguyễn Minh Trí
Đánh Bản số 17.409
Lập tại Đ5 B4 PSCC
(Lưu tay)

Họ Tên của
Người được cấp giấy
Ký tên
Nguyễn Minh Trí

Ngày 30-01-1981

Giám Trại

Đồng Ý

Ký tên

Thị trấn - B4 VC CMM

Đã nhận
Đã gởi
Ngày 14.09.1981
ƯCND. 14
HỮU
Trưởng Ban Quản lý

TRƯỞNG BỘ - BINH

Chi - Huy - Truân

Chứng nhận SVSQTB *Nguyễn-Minh-Trí* SQ 76/162 123

do theo học và tốt nghiệp Chương trình Huân-luyện
SVSQTB tại Trường Bộ-Binh và được cấp phát
Mũn lòng.

TỐT NGHIỆP SĨ - QUAN CĂN BẢN BỘ - BINH

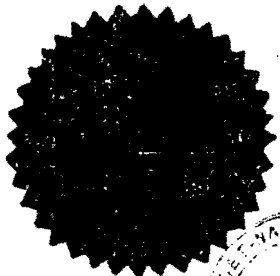
K. B. C. 4.100. ngày 23 tháng 11 năm 1968

Chi Huy Truân Trường Bộ - Binh

Sơ y bản chính

Ngày 21.3.1969

Thư ký



1985



CHIEF OF STAFF LAM QUANG THU

CƠ QUAN PHÁT TRIỂN CỘNG-ĐỒNG
TẠI VIỆT - NAM
96 L2-LT - QUI-NHON

HÙNG - CHỈ TỐ P - NGHI 3 P

CƠ-QUAN PHÁT, TRIỂN CỘNG-ĐỒNG

C HÙNG - 7/7 H 3 N

Ông NGUYỄN-MINH-TRÍ

Đã tốt nghiệp khóa học I của chương trình Huấn-Luyện
Cứu Trợ Ty Nam-Cộng Sản khai giảng tại Qui Nhơn từ
ngày 25 - V-1967 đến 19.VII.1967

Do sự hướng dẫn của Cơ quan P.T.C.D. với sự hợp tác
phủ-Đặc-Ủy Ty Nam- Cộng-Sản Chính phủ Việt-Nam
Cơ-quan Phát Triển Quốc-Tân



Qui-Nhon, ngày 19 tháng VII năm 1967.

GIÁM-ĐỐC CHƯƠNG-TRÌNH HUẤN-LUYỆN
Miss. CARROLL NOVICK

(ký tên và đóng dấu)

No CDF/39

Đã được kiểm tra và chấp thuận
trình tự thủ tục và các tài liệu kèm theo
Sinh viên ngày 20 tháng 7 năm 1967
Sinh viên ngày 20 tháng 7 năm 1967
Sinh viên ngày 20 tháng 7 năm 1967



Nguyễn Văn
LÊ VĂN GIỚI
PHÓ QUẢN LÝ

COMMUNITY DEVELOPMENT FOUNDATION/

IN VIET - NAM/

86. L3 - Loi qui - Nhon

CERTIFICATE OF TRAINING/

COMMUNITY DEVELOPMENT FOUNDATION/

CERTIFIES THAT; QUINN - JAMES/

Has satisfactorily completed the

Refugee Welfare Training Program /

Session I from May, 26, 1967 to July, 18, 1967.

Conducted by C D J. in Cooperation with/

Special Commissariat for Refugee Gov. V.N./

United States Agency International Development,

QUINN, July, 18, 1967.

Miss Carroll Novich

Project Director

(ký tên và đóng dấu)

No : CDP/39

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 214/QĐ/UB

Thuận An, ngày 23 tháng 5 năm 1984

() ỦY BAN NHÂN DÂN
PHỤC HỒI QUYỀN CÔNG DÂN.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN AN

- Căn cứ nhiệm vụ quyền hạn của UBND Huyện được qui định theo điều 43 và 45 trong luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp.

- Căn cứ quyết định số 906/QĐ/TC ngày 07/12/1981 của UBND tỉnh Sông Bé phê chuẩn thành phần UBND Huyện Thuận An nhiệm kỳ 1981 - 1983.

- Căn cứ điều 6, bản chính sách số 2/CS/76 ngày 25/5/76 của Chính phủ CHLTCH-NVN ban hành việc xử lý đối với những người làm việc trong quân đội chính quyền và các tổ chức chính trị phân động của chế độ cũ.

- Căn cứ hội nghị nhân dân xét phục hồi quyền công dân cho Anh Nguyễn Minh Tài và đề nghị của Công an Huyện ngày 11/5/1984.

() QUYẾT ĐỊNH

Điều I / Nay phục hồi quyền công dân cho Anh Nguyễn Minh Tài, sinh ngày : 1946, hiện ngụ tại số 165/10 ấp phước hưng xã An Phước Chức vụ chế độ cũ Trung úy phụ tá ban 3
Là mãn thời hạn quản chế tại địa phương.

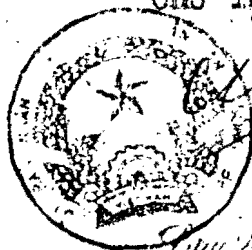
Điều II / Anh Nguyễn Minh Tài được hưởng mọi quyền lợi của người công dân Nước Cộng Hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo hiến pháp qui định kể từ ngày ký quyết định.

Điều III / Văn phòng UBND Huyện, Công an Huyện, UBND Xã An Sơn và anh Nguyễn Minh Tài căn cứ quyết định thi hành.

Nơi nhận

- Như điều III "thi hành"
- Lưu văn phòng.

TM/ ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tâm



NGUYỄN MINH TRÍ¹
 Sinh ngày: 3-3-46
 Tại Thủ-Dầu-Một



TRƯỜNG THỊ THỦY²
 Sinh: 05-02-46
 Tại: Thủ-Dầu-Một



NGUYỄN NGỌC THỦY
 Sinh: 10-02-65
 Tại: Phú-Lương



NGUYỄN MINH ĐỨC
 Sinh: 01-05-74
 Tại: An-Sơn



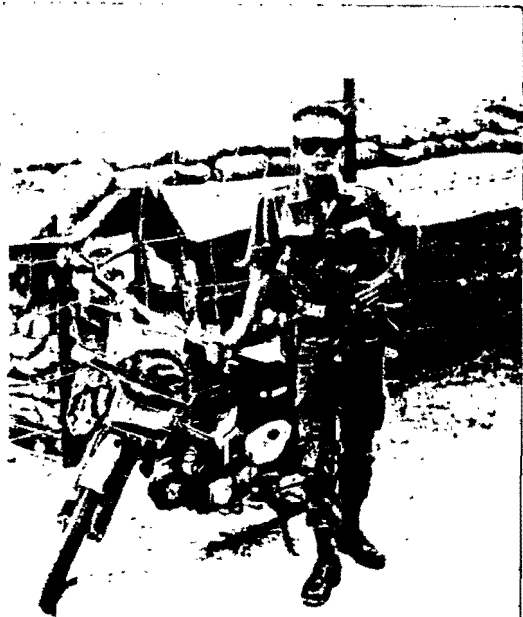
NGUYỄN MINH NHẬT
 Sinh: 24-03-75
 Tại: An-Sơn



NGUYỄN MINH TỬ
 Sinh: 05-12-1981
 Tại: An-Sơn



NGUYỄN NGỌC THỦY
 Sinh: 06-11-84
 Tại: An-Thành



Bảo Lãnh Cựu Tù Nhân Cải Tạo Theo Cách Đoàn Tụ



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL-PRISONERS ASSOCIATION

PO BOX 5435 ARLINGTON, VA 22205-0535
TELEPHONE

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM (Two Copies)

IV # _____
VENL # _____
1-171 : ☐ Yes ☐ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYỄN - MINH - TRÍ
Last Middle First
Current Address 105 B, Ấp Phú Hưng, xã An Sơn, Thuận An, Sông Bé
Date of Birth 03-03-1946 Place of Birth Thủ Đức - Mĩ
Previous Occupation (before 1975) Trung úy Phụ tá ban 3
(Rank & Position)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 24-07-1975 To 30-01-1981
(5 năm 6 tháng 26 ngày + 3 năm quản chế)
3. SPONSOR'S NAME: nhờ hội bảo lãnh
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone	Relationship

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form 1-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYỄN MINH TRÍ
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
01. <u>TRƯỜNG THỊ THÚY</u>	<u>05-02-1946</u>	<u>Vợ</u>
02. <u>NGUYỄN NGỌC THÚY</u>	<u>10-02-1968</u>	<u>Con</u>
03. <u>NGUYỄN MINH ĐỨC</u>	<u>01-05-1974</u>	<u>con</u>
04. <u>NGUYỄN MINH NHẬT</u>	<u>24-03-1975</u>	<u>con</u>
05. <u>NGUYỄN MINH TỬ</u>	<u>05-12-1981</u>	<u>con</u>
06. <u>NGUYỄN NGỌC THÚY</u>	<u>08-11-1984</u>	<u>con</u>

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

HÀ VĂN ĐỨC 3340 #3 CARRILLO SANTA CLARA CA 95051

Phone (home) 247-8051

6. ADDITIONAL INFORMATION : khô hồn xin giúp cái LỜI của tôi

Hai mẫu đơn này sau khi được hoàn tất, xin gửi chung cả hai mẫu về địa chỉ của:

**HỘI GIA ĐÌNH TỰ NHÂN CHÍNH TRỊ
VIỆT NAM**
P.O. BOX 5435

Arlington, VA 22205-0635

Nếu có thắc mắc, xin viết thư về địa chỉ trên hoặc gọi điện thoại số (703) 560-0058 (Bà Thơ)



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 3435, ARLINGTON, VA 22205-0635

INTAKE FORM (Two Copies) MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYỄN - MINH - TRÍ
Last (Ten Ho) Middle (Giữa) First (Ten qđ)
DATE, PLACE OF BIRTH : 03 - 03 - 1946 THU - DẦU - MỘC
(Nam, nơi sinh) Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)

SEX (Nam hay Nữ) : Male (Nam) : X Female (Nữ) : _____

MARITAL STATUS Single (Độc thân) : _____ Married (Có lập gia đình) : X
(Tình trạng gia đình)

ADDRESS IN VIETNAM : 105B ấp Phú Hưng, xã An Sơn, huyện Thuận An, tỉnh Sông Bé
(Địa chỉ tại Việt-Nam)

POLITICAL PRISONER (Có là tù nhân tại VN hay không) : Yes (Có) X No (Không) _____

If Yes (Nếu có) : From (Từ) : 04.07.1975 To (Đến) : 30.01.1981

PLACE OF RE-EDUCATION : Trại Cải tạo Xuyên Mộc
CAMP (Trại tù)

PROFESSION (Nghề nghiệp) : nông dân

EDUCATION IN U.S. (Đã học tại Mỹ) : _____

VN ARMY (Quân đội VN) Rank (Cấp bậc) : Trung úy

VN GOVERNMENT (Trong chính phủ VN) Position (Chức vụ) : Phụ tá Ban 3
Date (nam) : 3/52/19/BB Date (nam) : 1975

APPLICATION FOR O.D.P. (Đã có nộp đơn cho ODP) : Yes (Có) : X
IV Number (Số hồ sơ) : _____
No (Không) : _____

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (Số người đi theo) : 06
(Tên thân nhân theo) Xin ghi bên sau với đầy đủ chi tiết

MAILING ADDRESS IN VN (Địa chỉ liên lạc tại VN) : 105B ấp Phú Hưng, xã An Sơn, huyện Thuận An, tỉnh Sông Bé

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Tên và địa chỉ thân nhân hay Người Bảo trợ) : nhà họ bác lãnh

U.S. CITIZEN (Quốc tịch Hoa-Ky) : Yes (có) : _____ No (Không) : _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Liên hệ với tù nhân tại VN) : _____

NAME & SIGNATURE : NGUYỄN - MINH - TRÍ

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT (Tên, Chỗ ở, Địa chỉ và Điện thoại của người liên lạc này) : Qamra

DATE : 03 - 06 - 1980
Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYỄN-MINH-TRỊ
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
01. <u>TRƯỜNG-THỊ-THUY</u>	<u>05-02-1946</u>	<u>VB</u>
02. <u>NGUYỄN-NGỌC-THUY</u>	<u>10-02-1968</u>	<u>con</u>
03. <u>NGUYỄN-MINH-ĐỨC</u>	<u>01-05-1974</u>	<u>con</u>
04. <u>NGUYỄN-MINH-NHẬT</u>	<u>24-03-1975</u>	<u>con</u>
05. <u>NGUYỄN-MINH-TU</u>	<u>05-12-1981</u>	<u>con</u>
06. <u>NGUYỄN-NGỌC-THUY</u>	<u>08-11-1994</u>	<u>con</u>

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

HÀ-VĂN-ĐỨC 33ND #3 CABRILLO SANTA CLARA CA 95051
phone (home) 247-8051

6. ADDITIONAL INFORMATION :

nhà tôi xin gửi cái LỜI cho tôi

Bảo Lãnh Cựu Tù Nhân Cải Tạo

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ
VIỆT NAM

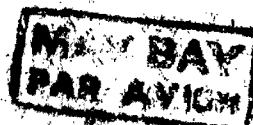
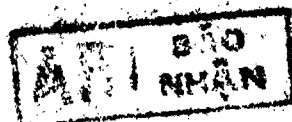
P.O. BOX 5435

Arlington, VA 22205-0635

Nếu có thắc mắc, xin viết thư về địa chỉ trên hoặc
gọi điện thoại số (703) 560-0058 (Bà Thợ)

FROM : NGUYEN-MINH-TRI

105B ấp Phú-hưng
Xã An-Sơn, huyện Thuận-An
Tỉnh Sông-Bè



HỘI GIA ĐÌNH TỰ DO NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

P.O. BOX 5435

ARLINGTON, VA 22205-0635

USA

MAR 30 1989

CONTROL

Card
Doc. Request ~~XXXX~~ 07/05/89
Release Order
Computer
Form 1127
ODF/Date
Membership Letter 1



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____

VEWL.# _____

I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

Visa # 3/248/90 HO

1. APPLICANT IN VIETNAM Nguyen Mui Tai
Last Middle First

Current Address: 81 B ấp Phú Hưng, An Sơn, Thuận An, Sông Bé

Date of Birth: _____ Place of Birth: _____

Previous Occupation (before 1975) _____
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From _____ To _____
Years: _____ Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: FVPPA
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

Sông. Bè, ngày 13/07/90

Trình thưa Bà,

Sau ngày gọi đôn và hồ sơ nhờ quý Hội
giúp đỡ báo lãnh và chuyển đôn qua
Chương trình ODP Bangkok Thailand.

Nào ngày 22.7.89 tôi nhận được thư riêng
của Bà đề ngày 5/7/89. Được biết Bà tận
tình giúp đỡ tôi về phía bên kia và cần
dẫn chi báo tôi những điều cần thiết. Tôi
cũng gia đình và cũng cảm kích và biết
ơn Bà; Vì từ lâu tôi vẫn nghĩ lại:

"Những người V.N. ở bên kia không bao giờ
ngủ đến thân phận của những người ở
lại như chúng tôi."

Thưa liền theo lời dạy của Bà: Về
phía VN tôi phải tích cực tự lo lấy
thì mới mong sớm đến lại kết quả.

Hay tôi cũng gia đình rất sung sướng
báo tin cho Bà rõ để tiện việc theo dõi
HỒ SƠ và giúp đỡ cho gia đình tôi được
gặp phải hoàn cảnh vẫn sớm, cũng như
tình người đồ đầu đề tôi không bị đình

hệ trong việc ra đi. Chính phủ VN đã cấp
5 Hộ chiếu cho gia đình tôi vào lên danh
sách HO10 chuyển qua Chính phủ Mỹ chờ cầu
xét phóng vấn.

Hộ sổ của tôi do với trước có sự thay đổi:

- Địa chỉ hiện nay là: 81B, ấp Phú Hưng, xã
An Sơn, huyện Thuận An, tỉnh Sông-Bé.

- Sổ tức thêm 04 đứa con mới sinh ngày
09/07/90 và được Bộ Nội vụ ghi vào Hộ chiếu.

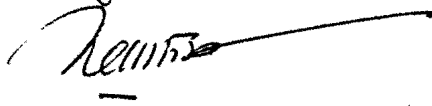
Tôi không muốn đặt vấn đề kinh tế ra,
đây vì nó không phù hợp. Nhưng đâu sao đời,
với tôi trong hoàn cảnh hiện tại rất cần thiết
và trong tương lai chẳng đáng gì: Nếu
có thể được nhờ quý hội giúp đỡ cho tôi một
số tiền để tôi lo trang trải trong việc ra đi.

Một lần nữa gia đình tôi thành thật biết ơn
bà và kính chúc bà cùng quý hội được dồi dào
được khỏe để giúp đỡ anh em.

Trân trọng kính chào bà

Đính kèm theo:

- 05 Bản sao Hộ. chiếu
- 01 Giấy Bạt tìn danh sách HO
- 01 Giấy khai sinh đứa bé
- 02 ảnh 4x6



NGUYỄN - MINH - TRÍ

HUY BAN NHÂN DÂN
Xã. Hương. AN. SƠN
Huyện. Quận. THUAN AN
Tỉnh. Tỉnh phố. SONG BE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu TP/HT 3
Số. 1/1
Quyển số. 01



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên NGUYỄN MINH HOÀNG KAY Nam hay nữ Nam
Ngày, tháng, năm sinh Nghị hai một tháng tư năm một chín chín mươi
(01/04/1990)
Nơi sinh Xã An Sơn
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Phản khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>TRƯƠNG THỊ THUY</u>	<u>NGUYỄN MINH TRÍ</u>
Tuổi	<u>1926</u>	<u>1926</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Nội trợ</u>	<u>Làm ruộng</u>
Nơi thường trú	<u>Ấp Nhũ Hùng, Xã An Sơn</u>	<u>Ấp Phú Hưng, Xã An Sơn</u>

Số 00 261/00 HT

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai
Nguyễn Minh Trí, Ấp Phú Hưng, Xã An Sơn, Thuận An
Song Be

Đăng ký ngày 08 tháng 09 năm 19 90
TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN

Người đứng khai



CHỨNG NHÂN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 08 tháng 09 năm 1990
TẠI UBND

Ký tên, đóng dấu



BO NOI VU
CUC QUAN LY XNC
Số : 199 /XC

CONG HOA XA HOI CHU NGHIA VIET NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

GIẤY BẢO TIN

Kính gửi : Ông Nguyễn Minh Ceri

Hiện ở : 81 B, ấp Phú Hưng, Xã An Sơn, Thuận An, Sông Bé

- 1/ Chúng tôi đồng ý cho ông cùng 06 người trong gia đình được phép xuất cảnh đến nước Mỹ .
- 2/ Về việc cấp hộ chiếu : chúng tôi đã cấp 05 hộ chiếu cho gia đình, số :

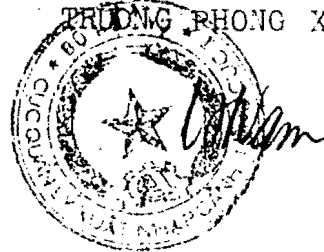
31248
31250
31252
31254
31256

90 ĐC, (gửi kèm theo)

- 3/ Chúng tôi đã lên danh sách số H10 chuyển Bộ Ngoại giao để chuyển chính phủ Mỹ bố trí tiền xúc phong vấn và xét nhập cảnh .
- 3 Nếu gia đình cần biết thời gian phỏng vấn tiền xúc và kết quả xét duyệt nhập cảnh xin liên hệ với chính phủ Mỹ .
- Xin thông báo để ông yên tâm ./.

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 1990

TRƯỞNG PHÒNG X.N.C



Chú chú :

Hiện nay phía Mỹ đang phong vấn danh sách . H07

Nguyễn Hoàng Năm

Đôi. gởi: NGUYỄN - MINH - TRÍ

(Sông - Bé)

B1B, ấp Phú Hưng, xã An-Sơn
huyện Thuận An, Sông-Bé

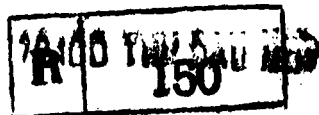
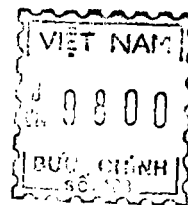
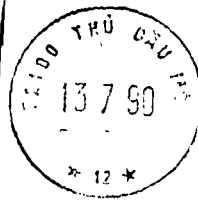
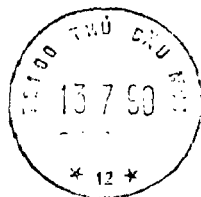
Liên gởi:

HỘI GIA-ĐÌNH TỰ NHÂN CHÍNH-TRÍ
VIỆT-NAM

JUL 25 1990

P.O. Box 5435 ARLINGTON, V.A. 22205-0635

U.S.A.



Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội
chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà
chức trách có thẩm quyền của Việt Nam
và các nước cho phép người mang hộ
chiếu này được đi lại dễ dàng và được
tạo mọi sự thuận lợi và bảo vệ cần thiết.

*The Ministry of Foreign Affairs of the
Socialist Republic of Vietnam requests
the competent authorities of Vietnam and
of other countries to allow this passport
bearer to pass freely and afford assistance
and protection in case of need.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam



HỘ CHIẾU
Passport

Số
Nº PT 31248/90 PL4

2

Họ và tên Full name

NGUYỄN MINH TRI

Ngày sinh Date of birth

1946

Nơi sinh Place of birth

Sông Bé

Chỗ ở Domicile

Sông Bé

Nghề nghiệp Occupation

Chiều cao Height

Vết tích đặc biệt khác Other particular signs

3



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

This passport is valid up to

08.6.1995

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

ALL COUNTRIES

Cấp tại Hà Nội ngày 08 tháng 6 năm 1990
Issued at on

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Tổng phòng



Nguyễn Phương

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER



Họ và tên Full name

Nguyễn Ngọc Bích

Ngày sinh Date of birth

1984

Nơi sinh Place of birth

Sông Bé



Họ và tên Full name

Nguyễn Minh Tú

Ngày sinh Date of birth

1984

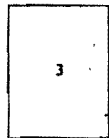
Nơi sinh Place of birth

Sông Bé

Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth



BÍ CHỮ — REMARKS

THỊ THỰC — VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 34248 KC

Cấp cho Ông Nguyễn Minh Sĩ

Cùng với hai trẻ em

Đến nước HỢP CHUNG QUỐC HOA KỲ

Quá hạn không phải chưa

Trước ngày 08 12 1990

Hà Nội ngày 22 tháng 6 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH



Nguyễn Phương

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam và các nước cho phép người mang hộ chiếu này được đi lại dễ dàng và được tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

The Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of Vietnam requests the competent authorities of Vietnam and of other countries to allow this passport bearer to pass freely and afford assistance and protection in case of need.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam



HỘ CHIẾU
Passport

Số
N^o PT 51250/400C

Họ và tên Full name

TRƯỜNG THỊ THUỶ

Ngày sinh Date of birth

1946

Nơi sinh Place of birth

Sông Bé

Chỗ ở Domicile

Sông Bé

Nghề nghiệp Occupation

/

Chiều cao Height

Vết tích đặc biệt khác Other particular signs



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

This passport is valid up to

08 6 1995

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

ALL COUNTRIES

Cấp tại

Hà Nội

ngày

08

tháng

năm

19

90

Issued at

on

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH



Nguyễn Phương

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER



Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

Họ và tên Full name

Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

2

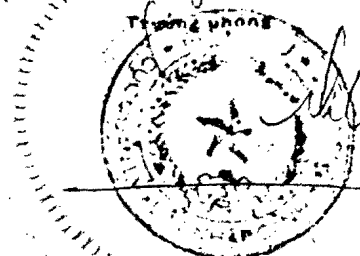
3

BỊ CHỮ — REMARKS

Bổ túc 01 trẻ em:
Nguyễn Minh Hoàng Nam sinh 1990

Ngày 09.7.1990

CĂN LỖ XUẤT NHẬP CẢNH



Nguyễn Phương

THỊ THỰC — VISAS

9

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 31250-XC

Cấp cho: Đường Bhi Phụng

Cùng với: 1 đi kèm

Đến nước: HỢP CHUNG QUỐC HOA KỲ

Quốc gia khác: Taiwan nhất

Thời hạn: 18.12.1990

Hở tại, ngày: Đến 6 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH



Nguyễn Phương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam và các nước cho phép người mang hộ chiếu này được đi lại dễ dàng và được tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

The Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of Vietnam requests the competent authorities of Vietnam and of other countries to allow this passport bearer to pass freely and afford assistance and protection in case of need.



HỘ CHIẾU
Passport

Số
Nº PT 31252/gaĐC 1

2

Họ và tên Full name

NGUYỄN NGỌC THÚY

Ngày sinh Date of birth

1968

Nơi sinh Place of birth

Sông Bé

Chỗ ở Domicile

Sông Bé

Nghề nghiệp Occupation

Chiều cao Height

Vết tích đặc biệt khác Other particular signs

3



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer

4

Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

This passport is valid up to

08.6.1995

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

ALL COUNTRIES

Cấp tại

Hà Nội

ngày

08 tháng 6

năm

1990

Issued at

on

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH



Nguyễn Phương

5

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU

CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER



Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

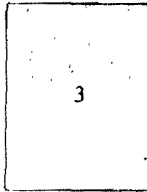
Nơi sinh *Place of birth*



Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*

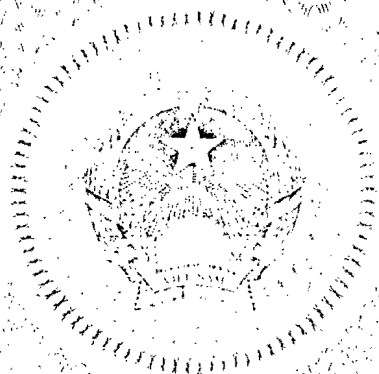


Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*

BỊ CHỮ — REMARKS



THỊ THỰC — VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 34252 XCá nhân Nguyễn Ngọc ThụyCấp thứ 2

Độc lập HỌP CHỦNG QUỐC HOA KỲ

Giới tính Nam sinhNgày sinh 08/12/1990Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng

Nguyễn Phương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội
chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà
chức trách có thẩm quyền của Việt Nam
và các nước cho phép người mang hộ
chiếu này được đi lại dễ dàng và được
tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

*The Ministry of Foreign Affairs of the
Socialist Republic of Vietnam requests
the competent authorities of Vietnam and
of other countries to allow this passport
bearer to pass freely and afford assistance
and protection in case of need.*



HỘ CHIẾU
Passport

Số
Nº PT 31254/40 DC,

Họ và tên Full name

NGUYỄN MINH ĐỨC

Ngày sinh Date of birth

1974

Nơi sinh Place of birth

Sông Bé

Chỗ ở Domicile

Sông Bé

Nghề nghiệp Occupation

Chiều cao Height

Vết tích đặc biệt khác Other particular signs



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer



Hộ chiếu này có giá trị đến ngày

This passport is valid up to

08.6.1995

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến

This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

ALL COUNTRIES

Cấp tại Hà Nội ngày 08 tháng 6 năm 1990

Issued at

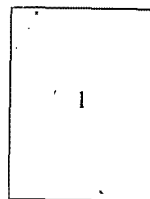
on

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP NHẬP



Nguyễn Phương

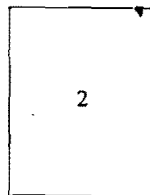
TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER



Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

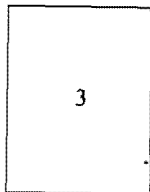
Nơi sinh *Place of birth*



Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*

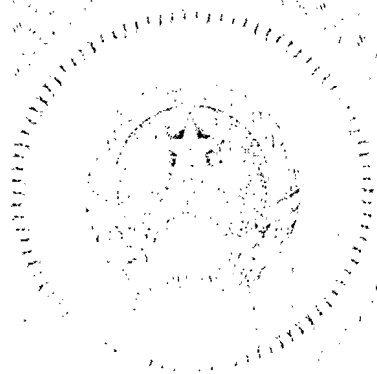


Họ và tên *Full name*

Ngày sinh *Date of birth*

Nơi sinh *Place of birth*

BỊ CHỨ — REMARKS



THỊ THỰC — VISAS

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 34254 KCCấp cho Nguyễn Minh ĐứcCông với trẻ emĐến nước HỢP CHỮNG QUỐC HOA KỲGhi chú lý do Tên con nhấtIssued ngày 08-12-1970Hải quan Đ. Hoàng L. Anh 1270

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng



Nguyễn Phương

Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam yêu cầu các nhà chức trách có thẩm quyền của Việt Nam và các nước cho phép người mang hộ chiếu này được đi lại dễ dàng và được tạo mọi sự giúp đỡ và bảo vệ cần thiết.

The Ministry of Foreign Affairs of the Socialist Republic of Vietnam requests the competent authorities of Vietnam and of other countries to allow this passport bearer to pass freely and afford assistance and protection in case of need.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Viet Nam



HỘ CHIẾU
Passport

Số
Nº PT 31256/40DC

2

Họ và tên Full name

NGUYỄN MINH NHẬT

Ngày sinh Date of birth

1975

Nơi sinh Place of birth

Sông Bé

Chỗ ở Domicile

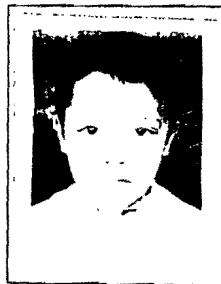
Sông Bé

Nghề nghiệp Occupation

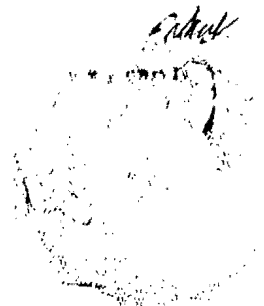
Chiều cao Height

Vết tích đặc biệt khác Other particular signs

3



Ảnh và chữ ký người mang hộ chiếu
Photo and signature of the passport bearer



4
Hộ chiếu này có giá trị đến ngày
This passport is valid up to

08.6.1995

Người mang hộ chiếu này được phép đi đến
This passport bearer is allowed to travel to

TẤT CẢ CÁC NƯỚC
ALL COUNTRIES

Cấp tại Hà Nội ngày 08 tháng 6 năm 1990
Issued at on

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH



Nguyễn Phương

5
TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
CHILDREN ACCOMPANYING THE PASSPORT BEARER

Họ và tên Full name

1
Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

Họ và tên Full name

2
Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

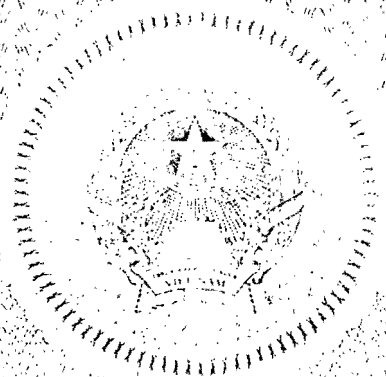
Họ và tên Full name

3
Ngày sinh Date of birth

Nơi sinh Place of birth

BỊ CHỮ — REMARKS

THỊ THỰC — VISAS



THỊ THỰC XUẤT CẢNH

SS 31256-XG

Cấp cho Nguyễn Minh Nhật

Công tác trẻ em

Đến nước HỢP CHỮNG QUỐC HOA KỲ

Các nước khác Việt Nam

Trước ngày 08.12.1990

Hết hạn, ngày 08.12.1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Tổng phòng



Nguyễn Phương